

BỘ TƯ PHÁP

BẢNG SO SÁNH

Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung (mới) và Nghị định số 62/2015/NĐ-CP,
Nghị định số 33/2020/NĐ-CP sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 62/2015/NĐ-CP

Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật THADS	Nghị định số 33/2020/NĐ-CP ngày 17/3/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật THADS	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung (mới)
Chương II THỦ TỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ	Chương II THỦ TỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ	Chương II THỦ TỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
Điều 4. Thời hiệu yêu cầu thi hành án “3. Sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan thuộc một trong các trường hợp sau đây: a) Sự kiện bất khả kháng là trường hợp thiên tai, hỏa hoạn, dịch họa”	Nghị định 33/2020/NĐ-CP không sửa đổi nội dung này	Dự kiến sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 3 Điều 4 của Nghị định số 62/2015/NĐ-CP như sau: Điều 4. Thời hiệu yêu cầu thi hành án 3. Sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan thuộc một trong các trường hợp sau đây: “a) Sự kiện bất khả kháng là trường hợp thiên tai, hỏa hoạn, dịch họa; <u>dịch, bệnh truyền nhiễm do cơ quan có thẩm quyền công bố mà đương sự không thể thực hiện được quyền yêu cầu thi hành án đúng hạn</u>”.
Điều 5. Thỏa thuận thi hành án “4. Khi đương sự có yêu cầu, Chấp hành viên có trách nhiệm chứng kiến và ký tên vào văn bản thỏa thuận trong trường hợp quy định tại Khoản 2, Khoản 3 của Điều này. Trường hợp thỏa	Khoản 4 Điều 5 của Nghị định số 62/2015/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 của Nghị định số 33/2020/NĐ-CP như sau: Điều 5. Thỏa thuận thi hành án	Dự kiến sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 5 của Nghị định số 62/2015/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 của Nghị định số 33/2020/NĐ-CP như sau: Điều 5. Thỏa thuận thi hành án

Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật THADS	thuận vì phạm điều cấm của pháp luật, trái đạo đức xã hội, không đúng với thực tế, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người thứ ba hoặc nhằm trốn tránh phí thi hành án thì Chấp hành viên có quyền từ chối nhưng phải lập biên bản và nêu rõ lý do. Người yêu cầu Chấp hành viên chứng kiến việc thỏa thuận ngoài trụ sở cơ quan thi hành án dân sự mà phát sinh chi phí thì phải thanh toán các chi phí hợp lý cho cơ quan thi hành án dân sự.”	Nghị định số 33/2020/NĐ-CP ngày 17/3/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật THADS “4. Khi đương sự có yêu cầu, Chấp hành viên có trách nhiệm chứng kiến và ký tên vào văn bản thỏa thuận trong trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 của Điều này. Việc chứng kiến thỏa thuận phải được thực hiện tại trụ sở cơ quan thi hành án dân. <u>Đối với các trường hợp thỏa thuận giao quyền sở hữu, sử dụng, quản lý tài sản; giao quyền nuôi dưỡng người chưa thành niên; giao quyền thăm nom, chăm sóc người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự, người không có khả năng lao động thì Chấp hành viên có thể chứng kiến ngoài trụ sở cơ quan thi hành án dân sự nếu đương sự yêu cầu. Văn bản thỏa thuận phải có chữ ký của người làm chứng hoặc đại diện chính quyền cấp xã hoặc tổ dân phố nơi chứng kiến thỏa thuận.</u> Trường hợp phát hiện thỏa thuận vi phạm điều cấm của luật, trái đạo đức xã hội, không đúng với thực tế, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người thứ ba hoặc nhằm trốn tránh phí thi hành án thì Chấp hành viên từ chối chứng kiến thỏa thuận nhưng phải nêu rõ lý do từ chối vào biên bản thỏa thuận”.	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung (mới)
Điều 9. Xác minh điều kiện thi hành án “2. Trường hợp cần làm rõ thông tin về tài sản, nơi cư trú, nơi làm việc, trụ sở của người phải	Khoản 2 Điều 9 của Nghị định số 62/2015/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 của Nghị định số	Dự kiến bổ sung khoản 7 Điều 9 của Nghị định số 62/2015/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 33/2020/NĐ-CP như sau:	

Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật THADS	Nghị định số 33/2020/NĐ-CP ngày 17/3/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật THADS	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung (mới)
thi hành án hoặc các thông tin khác liên quan đến việc thi hành án thì Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự có thể ủy quyền xác minh cho cơ quan thi hành án dân sự nơi có thông tin trên. Việc ủy quyền xác minh của cơ quan thi hành án dân sự phải thể hiện bằng văn bản, nêu rõ bên ủy quyền, bên nhận ủy quyền, nội dung ủy quyền và nội dung cần thiết khác. Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự nơi nhận ủy quyền phải trả lời bằng văn bản kết quả xác minh và những nội dung cần thiết khác cho cơ quan thi hành án dân sự đã ủy quyền xác minh. Đối với việc xác minh tài sản là bất động sản, động sản phải đăng ký quyền sở hữu, thời hạn xác minh và gửi kết quả xác minh cho cơ quan thi hành án dân sự đã ủy quyền là 30 ngày, kể từ ngày nhận được ủy quyền. Trường hợp việc xác minh tài sản khó khăn, phức tạp thì thời hạn xác minh và gửi kết quả xác minh có thể kéo dài nhưng không quá 45 ngày, kể từ ngày nhận được ủy quyền. Đối với việc xác minh các loại tài sản và thông tin khác, thời hạn xác minh và gửi kết quả xác minh cho cơ quan thi hành án dân sự đã ủy quyền là 15 ngày, kể từ ngày nhận được ủy quyền.”	33/2020/NĐ-CP như sau: Điều 9. Xác minh điều kiện thi hành án “2. Trường hợp cần xác minh làm rõ thông tin về tài sản, nơi cư trú, nơi làm việc, trụ sở của người phải thi hành án hoặc các thông tin khác liên quan đến việc thi hành án thì Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự có thể ủy quyền xác minh cho cơ quan thi hành án dân sự nơi có thông tin. Việc ủy quyền xác minh của cơ quan thi hành án dân sự phải bằng văn bản, nêu rõ nội dung ủy quyền và nội dung cần thiết khác. Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự nơi nhận ủy quyền phải chịu trách nhiệm về kết quả xác minh theo nội dung ủy quyền, trả lời bằng văn bản về kết quả xác minh cho cơ quan thi hành án dân sự đã ủy quyền trong thời hạn sau đây: a) Đối với việc xác minh tài sản là bất động sản, động sản phải đăng ký quyền sở hữu, sử dụng, thời hạn trả lời kết quả xác minh không quá 30 ngày, kể từ ngày nhận được ủy quyền. Trường hợp khó khăn, phức tạp thì thời hạn gửi kết quả xác minh có thể kéo dài nhưng không quá 45 ngày, ☐ ☐ í ☐ í	Điều 9. Xác minh điều kiện thi hành án “7. Khi tiến hành xác minh điều kiện thi hành án thì Chấp hành viên có thể xác minh thông qua <u>lăng dụng định danh điện tử; cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, đăng ký doanh nghiệp, đất đai và các cơ sở dữ liệu khác theo trình tự, thủ tục của pháp luật chuyên ngành. Kết quả xác minh được sử dụng để rõ chức thi hành án theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.</u>”

Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật THADS	Nghị định số 33/2020/NĐ-CP ngày 17/3/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật THADS	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung (mới)
	b) Đối với việc xác minh các loại tài sản và thông tin khác, thời hạn trả lời kết quả xác minh không quá 15 ngày, kể từ ngày nhận được ủy quyền.”	
Điều 12. Thông báo về thi hành án “1. Việc thông báo trực tiếp cho đương sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được thực hiện như sau: a) Do Chấp hành viên, công chức làm công tác thi hành án giao văn bản cần cần thông báo cho người được thông báo; b) Do bưu tá; người được cơ quan thi hành án ủy quyền; tổ trưởng tổ dân phố; trưởng thôn, làng, ấp, bản, khóm, buôn, phum, sóc; Ủy ban nhân dân, công an cấp xã; Thủ trưởng cơ quan, đơn vị; Giám thị trại giam, trại tạm giam, Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nơi người được thông báo có địa chỉ, cư trú, công tác, chấp hành hình phạt tù giao văn bản cần thông báo cho người được thông báo.”	Nghị định 33/2020/NĐ-CP không sửa đổi nội dung này	Dự kiến sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 12 của Nghị định số 62/2015/NĐ-CP như sau: Điều 12. Thông báo về thi hành án “1. Việc thông báo về thi hành án theo quy định tại Điều 40, Điều 41, Điều 42 Luật Thi hành án dân sự chỉ được thực hiện lần đầu, kể từ lần thứ 2 trở đi Chấp hành viên có thể lựa chọn hình thức thông báo trên Trang thông tin điện tử của Cục Thi hành án dân sự, Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thi hành án dân sự thuộc Bộ Tư pháp hoặc phương tiện thông tin đại chúng khác. <u>Chấp hành viên ghi rõ trong văn bản thông báo lần đầu về việc từ lần thông báo thứ hai trở đi cơ quan thi hành án sẽ thực hiện thông báo theo hình thức nêu trên.</u> Việc thông báo trực tiếp cho đương sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được thực hiện như sau: a) Do Chấp hành viên, công chức làm công tác thi hành án giao văn bản cần cần thông báo cho người được thông báo;

Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật THADS	Nghị định số 33/2020/NĐ-CP ngày 17/3/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật THADS	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung (mới)
		b) Do bưu tá; người được cơ quan thi hành án ủy quyền; tổ trưởng tổ dân phố; trưởng thôn, làng, ấp, bản, khóm, buôn, phum, sóc; Ủy ban nhân dân, công an cấp xã; Thủ trưởng cơ quan, đơn vị; Giám thị trại giam, trại tạm giam, Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nơi người được thông báo có địa chỉ, cư trú, công tác, chấp hành hình phạt tù giao văn bản cần thông báo cho người được thông báo.”
Điều 13. Áp dụng biện pháp bảo đảm và cưỡng chế thi hành án “1. Chấp hành viên căn cứ vào nội dung bản án, quyết định; quyết định thi hành án; tính chất, mức độ, nghĩa vụ thi hành án; điều kiện của người phải thi hành án; yêu cầu bằng văn bản của đương sự và tình hình thực tế của địa phương để lựa chọn việc áp dụng biện pháp bảo đảm, biện pháp cưỡng chế thi hành án thích hợp. Chấp hành viên áp dụng biện pháp bảo đảm, biện pháp cưỡng chế thi hành án trong trường hợp thi hành quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quy định tại Điều 130 Luật Thi hành án dân sự. Việc áp dụng biện pháp bảo đảm, cưỡng chế thi hành án phải tương ứng với nghĩa vụ của người phải thi hành án và các chi phí cần thiết, trừ	Khoản 1 Điều 13 của Nghị định 62/2015/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 1 của Nghị định số 33/2020/NĐ-CP như sau: Điều 13. Áp dụng biện pháp bảo đảm và cưỡng chế thi hành án “1. Chấp hành viên căn cứ vào nội dung bản án, quyết định; quyết định thi hành án; tính chất, mức độ, nghĩa vụ thi hành án; điều kiện của người phải thi hành án; yêu cầu bằng văn bản của đương sự và tình hình thực tế của địa phương để lựa chọn việc áp dụng các biện pháp bảo đảm, biện pháp cưỡng chế thi hành án thích hợp. Chấp hành viên được áp dụng biện pháp bảo đảm, biện pháp cưỡng chế thi hành án trong trường hợp thi hành quyết	Dự kiến bổ sung khoản 5, khoản 6 Điều 13 của Nghị định số 62/2015/NĐ-CP như sau: Điều 13. Áp dụng biện pháp bảo đảm và cưỡng chế thi hành án “5. Việc bán tài sản thi hành án là chứng khoán có phần, phần vốn góp, giấy tờ có giá khác theo quy định tại Điều 83, Điều 92 Luật Thi hành án dân sự được thực hiện như sau: a) Đối với chứng khoán đang niêm yết hoặc đang đăng ký giao dịch tại các Sở giao dịch chứng khoán. Chấp hành viên ban hành Quyết định cưỡng chế kê biên, xử lý tài sản theo khoản 3 Điều 71 Luật Thi hành án dân. Trưởng hợp chứng khoán chưa được lưu ký thì Chấp hành viên thực hiện lưu ký theo quy định của pháp luật về chứng khoán. <u>Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ</u>

Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật THADS	trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều 24 Nghị định này. Trường hợp người phải thi hành án chỉ có một tài sản duy nhất lớn hơn nhiều lần so với nghĩa vụ phải thi hành án mà tài sản đó không thể phân chia được hoặc việc phân chia làm giảm đáng kể giá trị của tài sản thì Chấp hành viên vẫn có quyền áp dụng biện pháp bảo đảm, cưỡng chế để thi hành án. 2. Ngoài những trường hợp không tổ chức cưỡng chế thi hành án do Luật Thi hành án dân sự quy định, cơ quan thi hành án dân sự không tổ chức cưỡng chế thi hành án có huy động lực lượng trong thời gian 15 ngày trước và sau tết Nguyên đán; các ngày truyền thống đối với các đối tượng chính sách, nếu họ là người phải thi hành án; các trường hợp đặc biệt khác ảnh hưởng nghiêm trọng đến an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội, phong tục, tập quán tại địa phương. 3. Trong trường hợp cần thiết, Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp, Thủ trưởng cơ quan thi hành án cấp quân khu báo cáo Tư lệnh quân khu và tương đương ít nhất là 05 ngày làm việc trước khi tổ chức cưỡng chế thi hành các vụ án lớn, phức tạp, có ảnh hưởng đến an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội tại địa bàn theo quy định tại Khoản 1 Điều 172, Khoản 2 Điều 173 và
Nghị định số 33/2020/NĐ-CP ngày 17/3/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật THADS	định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quy định tại Điều 130 Luật thi hành án dân sự. Việc áp dụng biện pháp bảo đảm, cưỡng chế thi hành án phải tương ứng với nghĩa vụ của người phải thi hành án và các chi phí thi hành án theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp tài sản duy nhất của người phải thi hành án lớn hơn nhiều lần so với nghĩa vụ thi hành án mà tài sản đó không thể phân chia được hoặc việc phân chia làm giảm đáng kể giá trị của tài sản; tài sản bảo đảm đã được bán án, quyết định tuyên xử lý để thi hành án hoặc trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 24 Nghị định này.
Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung (mới)	<u>ngày được thông báo họp lễ Quyết định cưỡng chế kê biên, xử lý tài sản, đương sự có quyền thỏa thuận việc bán chứng khoán theo quy định của pháp luật về hành án dân sự và pháp luật về chứng khoán. Trường hợp không thỏa thuận được hoặc hết thời hạn thỏa thuận thì trong ngày làm việc, Chấp hành viên yêu cầu Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam chuyển chứng khoán đã bị kê biên cho cơ quan thi hành án dân sự. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất việc chuyển chứng khoán, Chấp hành viên thực hiện thủ tục để bán chứng khoán. Chứng khoán được bán theo phương thức khớp lệnh với mức giá nằm trong biên độ giá giao dịch cổ phiếu trên hệ thống giao dịch chứng khoán tại ngày thực hiện giao dịch theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Công ty Chứng khoán bán chứng khoán và thông báo kết quả cho cơ quan thi hành án dân sự vào cuối mỗi ngày giao dịch. Số tiền thu được sau khi trừ thuế, phí liên quan trực tiếp đến việc bán chứng khoán được chuyển cho cơ quan thi hành án để thực hiện thanh toán theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.</u> <u>Trường hợp chủ động ra quyết định thi hành án thì ngay khi ban hành Quyết định cưỡng chế kê biên, xử lý tài sản, Chấp hành viên yêu cầu Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ</u>
<u>Trường hợp đương sự, người đang quản lý, sử dụng, bảo quản tài sản không thực hiện theo yêu cầu của Chấp hành viên thì tùy từng trường hợp cụ thể mà Chấp hành viên tổ chức cưỡng chế mở khóa, mở gói; buộc ra khỏi nhà, công trình xây dựng, tài sản gắn liền với đất hoặc các biện pháp cần thiết khác để kiểm tra hiện trạng, thẩm định giá, bán đấu giá tài sản hoặc giao tài sản cho cá nhân, tổ chức khác bảo quản theo quy định của pháp luật.</u>	

Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật THADS	Nghị định số 33/2020/NĐ-CP ngày 17/3/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật THADS	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung (mới)
Khoản 2 Điều 174 của Luật Thi hành án dân sự. 4. Tài sản đã được giao trên thực tế cho người được nhận tài sản và người đó đã ký nhận vào biên bản giao, nhận tài sản nhưng sau đó bị chiếm lại thì cơ quan thi hành án dân sự không có trách nhiệm giao lại tài sản cho người được nhận tài sản. Người đã nhận tài sản có quyền đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có tài sản yêu cầu người chiếm lại tài sản trả lại tài sản cho họ. Nếu người chiếm lại tài sản không trả lại thì người đã nhận tài sản có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.”	<u>Trường hợp sau khi áp dụng biện pháp cưỡng chế mà không thực hiện được việc giao bảo quản đối với tài sản theo quy định tại Điều 58 Luật thi hành án dân sự thì Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự có văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã phối hợp, hỗ trợ bảo quản trong thời gian chưa xử lý được tài sản.”</u>	<u>chứng khoán Việt Nam chuyển chứng khoán đã bi kê biên cho cơ quan thi hành án dân sự và thực hiện việc bán chứng khoán theo quy định nêu trên.</u> <u>b) Đối với chứng khoán đã đăng ký tập trung tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam nhưng chưa niêm yết, đăng ký giao dịch thì Chấp hành viên ban hành Quyết định cưỡng chế kê biên, xử lý tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 71 Luật Thi hành án dân sự và thông báo cho Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam. Trình tự, thủ tục định giá, bán chứng khoán được thực hiện theo quy định tại Điều 98, Điều 99, Điều 101 Luật Thi hành án dân sự, pháp luật về bán đấu giá tài sản và pháp luật khác có liên quan.</u> <u>c) Đối với cổ phần, phần vốn góp, giấy tờ có giá khác thì Chấp hành viên kê biên, xử lý theo quy định tại Điều 71, Điều 83, Điều 92, Điều 98, Điều 99, Điều 101 Luật thi hành án dân sự, pháp luật về bán đấu giá tài sản, pháp luật về doanh nghiệp và pháp luật khác có liên quan.</u> <u>Khi ban hành Quyết định định cưỡng chế kê biên, xử lý tài sản theo điểm a, điểm b, điểm c khoản 5 Điều này, Chấp hành viên đồng thời ban hành văn bản thông báo về việc kê biên</u>

Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật THADS	Nghị định số 33/2020/NĐ-CP ngày 17/3/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật THADS	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung (mới)
		<u>tài sản đó cho Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam, tổ chức phát hành chứng khoán hoặc doanh nghiệp nơi người phải thi hành án góp vốn và các cơ quan, tổ chức có liên quan để ngăn chặn việc chuyển quyền sở hữu, thay đổi hiện trạng tài sản cho đến khi có quyết định của cơ quan thi hành án dân sự.</u> <u>6. Trường hợp cơ quan thi hành án dân sự đang áp dụng biện pháp bảo đảm, cưỡng chế thi hành án tương ứng với nghĩa vụ của người phải thi hành án và chi phí thi hành án theo quy định tại khoản 1 Điều này mà người phải thi hành án còn tài sản khác thì Chấp hành viên có văn bản đề nghị cơ quan liên quan có thẩm quyền thông báo ngay cho cơ quan thi hành án dân sự khi phát sinh các giao dịch liên quan đến tài sản để phối hợp xử lý theo quy định pháp luật”.</u>
Điều 15. Chuyển giao quyền, nghĩa vụ thi hành án “1. Quyền, nghĩa vụ thi hành án được chuyển giao cho người khác theo quy định của pháp luật về thừa kế quy định tại Khoản 2 Điều 54 Luật Thi hành án dân sự thực hiện như sau: a) Trường hợp thi hành nghĩa vụ về trả tài sản mà người phải thi hành án đã chết nhưng có	<u>Nghị định 33/2020/NĐ-CP không sửa đổi nội dung này</u>	<u>Dự kiến sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 15 của Nghị định số 62/2015/NĐ-CP như sau:</u> Điều 15. Chuyển giao quyền, nghĩa vụ thi hành án “3. Việc ra quyết định thi hành án mới theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 54 Luật Thi hành án dân sự phải trên cơ sở quyết định hoặc phán quyết của cơ quan có thẩm quyền,

Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật THADS	Nghị định số 33/2020/NĐ-CP ngày 17/3/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật THADS	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung (mới)
người đang trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản đó thì cơ quan thi hành án dân sự ấn định trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày được thông báo hợp lệ, để người quản lý, sử dụng tài sản của người phải thi hành án giao tài sản cho người được thi hành án. Hết thời hạn này mà họ không thực hiện thi cơ quan thi hành án dân sự tổ chức giao tài sản, kể cả cưỡng chế giao tài sản cho người được thi hành án theo quy định của pháp luật. b) Trường hợp người phải thi hành nghĩa vụ về thanh toán tiền đã chết mà có để lại tài sản thì cơ quan thi hành án dân sự có văn bản thông báo, ấn định trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày được thông báo hợp lệ, để người thừa kế hoặc người quản lý di sản của người phải thi hành án thỏa thuận thực hiện nghĩa vụ thi hành án của người phải thi hành án để lại. Hết thời hạn này, nếu người thừa kế hoặc người quản lý di sản không thỏa thuận hoặc không thỏa thuận được việc thực hiện nghĩa vụ của người phải thi hành án thì cơ quan thi hành án dân sự áp dụng biện pháp bảo đảm, biện pháp cưỡng chế thi hành án đối với tài sản để lại của người phải thi hành án để đảm bảo thi hành án, đồng thời ấn định trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày được thông báo hợp lệ, để những người liên quan đến tài sản thực hiện quyền khởi kiện phân chia di sản thừa kế. Hết thời hạn thông báo về thực hiện quyền khởi kiện phân chia di sản thừa kế mà không có		<u>phù hợp với pháp luật về thi hành án dân sự và pháp luật khác có liên quan. Cơ quan thi hành án dân sự ra quyết định thu hồi toàn bộ hoặc một phần quyết định thi hành án tương ứng với phần quyền nghĩa vụ được chuyển giao trước khi ra quyết định thi hành án mới.</u>

Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật THADS	Nghị định số 33/2020/NĐ-CP ngày 17/3/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật THADS	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung (mới)
người khởi kiện thi cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản để thi hành án. Trường hợp chưa xác định được người thừa kế thi cơ quan thi hành án dân sự thông báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng và niêm yết tại nơi có tài sản, trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có tài sản trong thời gian 03 tháng, kể từ ngày thông báo, niêm yết để người thừa kế biết, liên hệ và thực hiện nghĩa vụ thi hành án của người phải thi hành án để lại; hết thời hạn này mà không có người khai nhận thừa kế thi cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản để thi hành án.	2. Việc chuyển giao quyền, nghĩa vụ thi hành án theo quy định tại Khoản 4 Điều 54 Luật Thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định của Bộ luật Dân sự về chuyển giao quyền, nghĩa vụ; không được ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của của tổ chức, cá nhân khác và phải được lập thành văn bản có chữ ký xác nhận của người chuyển giao, người nhận chuyển giao quyền, nghĩa vụ thi hành án. Trường hợp người được thi hành án chuyển giao một phần hoặc toàn bộ quyền được thi hành án của mình cho người thứ ba thì người thứ ba trở thành người được thi hành án tương ứng với phần quyền được chuyển giao và có các nghĩa vụ của người được thi hành án theo quy	

Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật THADS	Nghị định số 33/2020/NĐ-CP ngày 17/3/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật THADS	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung (mới)
định của Luật Thi hành án dân sự. Người chuyển giao quyền về thi hành án phải thông báo bằng văn bản cho người phải thi hành án, cơ quan thi hành án dân sự đang tổ chức việc thi hành án biết về việc chuyển giao quyền về thi hành án. Việc chuyển giao quyền về thi hành án không cần có sự đồng ý của người phải thi hành án, trừ trường hợp có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định khác. Trường hợp người phải thi hành án chuyển giao nghĩa vụ thi hành án cho người thứ ba thì phải được sự đồng ý của người được thi hành án. Người nhận chuyển giao nghĩa vụ có các nghĩa vụ của người phải thi hành án, nếu không tự nguyện thi hành thì bị áp dụng biện pháp bảo đảm, biện pháp cưỡng chế thi hành án theo quy định của Luật Thi hành án dân sự.”		
Điều 27. Bán đấu giá và xử lý kết quả bán đấu giá tài sản thi hành án “1. Trước khi bán tài sản lần đầu đối với tài sản thuộc sở hữu chung mà có nhiều chủ sở hữu chung đề nghị mua phần tài sản của người phải thi hành án theo giá đã định thì Chấp hành viên thông báo cho các chủ sở hữu chung đó thỏa thuận người được quyền mua. Nếu không thỏa thuận được thì Chấp hành viên tổ chức bốc thăm để chọn ra người được mua tài sản bán đấu giá.	<i>Khoản 1, khoản 3 và khoản 5 Điều 27 của Nghị định số 62/2015/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12 Điều 1 của Nghị định số 33/2020/NĐ-CP như sau:</i> Điều 27. Bán đấu giá và xử lý kết quả bán đấu giá tài sản thi hành án “1. Trước khi bán đấu giá tài sản lần đầu đối với tài sản thuộc sở hữu chung mà có nhiều chủ sở hữu chung đề nghị mua phần tài sản của người phải thi hành án theo giá	<i>Dự kiến sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 3, khoản 4 Điều 27 của Nghị định số 62/2015/NĐ-CP như sau:</i> Điều 27. Bán đấu giá và xử lý kết quả bán đấu giá tài sản thi hành án “1. <u>Trường hợp đương sự không thỏa thuận được việc lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản thì Chấp hành viên lựa chọn theo pháp luật về đấu giá tài sản.</u> Trước khi bán đấu giá tài sản lần đầu đối với

Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật THADS	2. Giá trị động sản được bán đấu giá theo quy định tại Điểm b Khoản 3 và Khoản 4 Điều 101 Luật Thi hành án dân sự là giá trị từng động sản; đối với vật cùng loại, vật đồng bộ là tổng giá trị các động sản đó trong một lần tổ chức bán để thi hành một việc thi hành án.	3. Người mua được tài sản bán đấu giá phải nộp tiền vào tài khoản của cơ quan thi hành án dân sự trong thời hạn không quá 15 ngày, kể từ ngày đấu giá thành.	Trong thời hạn không quá 30 ngày, trường hợp khó khăn, phức tạp thì không quá 60 ngày, kể từ ngày người mua được tài sản nộp đủ tiền, cơ quan thi hành án dân sự phải tổ chức việc giao tài sản bán đấu giá cho người mua được tài sản bồi thường.	4. Cơ quan thi hành án dân sự thực hiện việc thanh toán tiền thi hành án theo quy định tại Điều 47 Luật Thi hành án dân sự trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày giao tài sản cho người mua	Nghị định số 33/2020/NĐ-CP ngày 17/3/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật THADS	đã định thì Chấp hành viên thông báo cho các chủ sở hữu chung đó thỏa thuận người được quyền mua. Nếu không thỏa thuận được thì Chấp hành viên tổ chức bốc thăm để chọn ra người được mua tài sản. 3. <u>Trường hợp trong cùng một cuộc đấu giá mà có nhiều tài sản được đấu giá để thi hành án thì cơ quan thi hành án dân sự yêu cầu tổ chức đấu giá thực hiện việc đấu giá theo thứ tự từ tài sản có giá trị lớn nhất. Trường hợp số tiền thu được đã đủ để thi hành nghĩa vụ và các chi phí theo quy định thì không tiếp tục đấu giá các tài sản còn lại.</u> Người mua được tài sản bán đấu giá phải nộp tiền vào tài khoản của cơ quan thi hành án dân sự trong thời hạn không quá 30 ngày, kể từ ngày đấu giá thành và không được gia hạn thêm. Trong thời hạn không quá 30 ngày, trường hợp khó khăn, phức tạp thì không quá 60 ngày, kể từ ngày người mua được tài sản nộp đủ tiền, cơ quan thi hành án dân sự phải tổ chức việc giao tài sản cho người mua được tài sản, trừ trường hợp có sự kiện bất khả kháng. Tổ chức đấu giá tài sản có trách nhiệm phối hợp với cơ quan thi hành án dân sự	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung (mới) tài sản thuộc sở hữu chung mà có nhiều chủ sở hữu chung đề nghị mua phần tài sản của người phải thi hành án theo giá đã định thì Chấp hành viên thông báo cho các chủ sở hữu chung đó thỏa thuận người được quyền mua. Nếu không thỏa thuận được thì Chấp hành viên tổ chức bốc thăm để chọn ra người được mua tài sản. 3. Trường hợp trong cùng một cuộc đấu giá mà có nhiều tài sản được đấu giá để thi hành án thì cơ quan thi hành án dân sự yêu cầu tổ chức đấu giá thực hiện việc đấu giá theo thứ tự từ tài sản có giá trị lớn nhất. Trường hợp số tiền thu được đã đủ để thi hành nghĩa vụ và các chi phí theo quy định thì không tiếp tục đấu giá các tài sản còn lại. Người mua được tài sản bán đấu giá phải nộp tiền vào tài khoản của cơ quan thi hành án dân sự trong thời hạn không quá 30 ngày, kể từ ngày đấu giá thành và không được gia hạn thêm. <u>Trường hợp người mua được tài sản đấu giá không nộp hoặc không nộp đủ tiền mua tài sản trong thời hạn quy định thì cơ quan thi hành án dân sự hủy bỏ giao kết hợp đồng mua bán tài sản đấu giá, hủy bỏ hợp đồng mua bán tài sản đấu giá hoặc yêu cầu Tòa án hủy bỏ theo quy định của pháp luật.</u> <u>Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày người mua được tài sản đấu giá nộp đủ tiền, cơ quan thi</u>
---	---	---	---	---	---	---	---

Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật THADS

được tài sản bán đấu giá.

Trong thời gian chưa giao được tài sản, cơ quan thi hành án dân sự làm thủ tục đứng tên gửi số tiền đó vào ngân hàng theo hình thức gửi tiền có kỳ hạn 01 tháng cho đến khi giao được tài sản, phần lãi tiền gửi được cộng vào số tiền gửi ban đầu để thi hành án; trường hợp không giao được tài sản thì phần lãi tiền gửi thuộc về người mua được tài sản bán đấu giá, trừ trường hợp có thỏa thuận hoặc pháp luật quy định khác.

Trường hợp đến hạn theo hợp đồng bán đấu giá tài sản mà không giao được tài sản cho người mua được tài sản bán đấu giá thì người này có quyền yêu cầu hủy bỏ hợp đồng.

5. Trường hợp sau khi phiên đấu giá kết thúc mà người trúng đấu giá tài sản từ chối mua hoặc đã ký hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá nhưng chưa thanh toán thêm bất kỳ khoản tiền nào thì khoản tiền đặt trước thuộc về ngân sách nhà nước và được sử dụng để thanh toán lãi suất chậm thi hành án, tạm ứng chi phí bồi thường Nhà nước, bảo đảm tài chính để thi hành án và các chi phí cần thiết khác.

Trường hợp người mua được tài sản bán đấu giá không thực hiện đầy đủ hoặc không đúng hạn nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng thì tiền thanh toán mua tài sản đấu giá được xử lý theo thỏa thuận trong hợp đồng mua bán tài sản bán đấu

Nghị định số 33/2020/NĐ-CP ngày 17/3/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật THADS

trong việc giao tài sản cho người mua được tài sản đấu giá. Tổ chức, cá nhân cản trở, can thiệp trái pháp luật dẫn đến việc chậm giao tài sản bán đấu giá thành mà gây thiệt hại thì phải bồi thường.

5. Trường hợp sau khi phiên đấu giá kết thúc mà người trúng đấu giá tài sản từ chối mua hoặc đã ký hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá nhưng chưa thanh toán thêm bất kỳ khoản tiền nào thì sau khi trừ chi phí đấu giá tài sản, khoản tiền đặt trước thuộc về ngân sách nhà nước và được sử dụng để thanh toán lãi suất chậm thi hành án, tạm ứng chi phí bồi thường Nhà nước, bảo đảm tài chính để thi hành án và các chi phí cần thiết khác.

Trường hợp người mua được tài sản bán đấu giá không thực hiện đầy đủ hoặc không đúng hạn nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng thì tiền thanh toán mua tài sản đấu giá được xử lý theo thỏa thuận trong hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá và quy định của pháp luật về hợp đồng mua bán tài sản.

Cơ quan thi hành án dân sự tổ chức bán đấu giá tài sản theo quy định của pháp luật.”

Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung (mới)

hành án dân sự tổ chức việc giao tài sản cho người mua được tài sản đấu giá, trừ trường hợp có sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan hoặc chưa thông nhất việc giao tài sản với các cơ quan có liên quan.

Tổ chức đấu giá tài sản có trách nhiệm phối hợp với cơ quan thi hành án dân sự trong việc giao tài sản cho người mua được tài sản đấu giá. Tổ chức, cá nhân cản trở, can thiệp trái pháp luật dẫn đến việc chậm giao tài sản bán đấu giá thành mà gây thiệt hại thì phải bồi thường.

4. Cơ quan thi hành án dân sự thực hiện việc thanh toán tiền thi hành án theo quy định tại Điều 47 Luật Thi hành án dân sự trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày giao tài sản cho người mua được tài sản bán đấu giá.

Cơ quan thi hành án dân sự làm thủ tục đứng tên gửi số tiền đó vào ngân hàng theo hình thức gửi tiền có kỳ hạn 01 tháng cho đến khi giao được tài sản, phần lãi tiền gửi trong thời gian chưa giao được tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều này được cộng vào số tiền gửi ban đầu để thi hành án.

Quá thời hạn quy định tại khoản 3 Điều này mà chưa giao được tài sản thì kể từ thời điểm này phần lãi tiền gửi thuộc về người mua tài sản. Trường hợp cơ quan thi hành án dân sự phải áp dụng biện pháp cưỡng chế thi người

Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật THADS	Nghị định số 33/2020/NĐ-CP ngày 17/3/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật THADS	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung (mới)
giá và quy định của pháp luật về hợp đồng mua bán tài sản. Cơ quan thi hành án dân sự tổ chức bán đấu giá tài sản theo quy định của pháp luật.”		<i>phải thi hành án, người có tài sản hoặc người đang quản lý tài sản thi hành án phải chịu mọi chi phí phát sinh, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.</i> Trường hợp đến hạn theo hợp đồng bán đấu giá tài sản mà không giao được tài sản cho người mua được tài sản bán đấu giá thì người này có quyền yêu cầu hủy bỏ hợp đồng.”
Điều 28. Đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản “2. Trường hợp tài sản là quyền sử dụng đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mà không thu hồi được Giấy chứng nhận thì thực hiện như sau: a) Cơ quan thi hành án dân sự gửi văn bản kiến nghị thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đến Ủy ban nhân dân có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 136 Luật Đất đai năm 2024 đối với Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu hoặc Văn phòng đăng ký đất đai quy định tại khoản 2 Điều 136 Luật Đất đai năm 2024 đối với Giấy chứng nhận đã thực hiện thủ tục đăng ký biến động đất đai.”	Nghị định 33/2020/NĐ-CP không sửa đổi, bổ sung nội dung này	Dự kiến sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 28 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP như sau: “2. Trường hợp tài sản là quyền sử dụng đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mà không thu hồi được Giấy chứng nhận thì thực hiện như sau: a) Cơ quan thi hành án dân sự gửi văn bản kiến nghị thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đến Ủy ban nhân dân có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 136 Luật Đất đai năm 2024 đối với Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu hoặc Văn phòng đăng ký đất đai quy định tại khoản 2 Điều 136 Luật Đất đai năm 2024 đối với Giấy chứng nhận đã thực hiện thủ tục đăng ký biến động đất đai.”

Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật THADS	Nghị định số 33/2020/NĐ-CP ngày 17/3/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật THADS	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung (mới)
nhận được văn bản của cơ quan thi hành án dân sự, Văn phòng đăng ký đất đai có trách nhiệm báo cáo cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất để quyết định hủy Giấy chứng nhận đã cấp và cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về đất đai.”		<i>b) Trong thời hạn 25 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản của cơ quan thi hành án dân sự, cơ quan có thẩm quyền nêu tại điểm a khoản 2 điều này quyết định thu hồi, hủy Giấy chứng nhận đã cấp và cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về đất đai.”.</i>
Điều 38. Giải quyết khiếu nại về thi hành án “1. Đối với đơn khiếu nại thuộc trường hợp không phải thụ lý để giải quyết thì cơ quan nhận được đơn không có trách nhiệm thụ lý nhưng có văn bản chỉ dẫn, trả lời người khiếu nại trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn. Việc chỉ dẫn, trả lời chỉ thực hiện một lần đối với một vụ việc khiếu nại; trong trường hợp người khiếu nại gửi kèm các giấy tờ, tài liệu là bản gốc liên quan đến vụ việc khiếu nại thì gửi trả lại các giấy tờ, tài liệu đó cho người khiếu nại. Trường hợp đơn khiếu nại vừa có nội dung khiếu nại, vừa có nội dung tố cáo thì nội dung khiếu nại về thi hành án được giải quyết theo quy định về giải quyết khiếu nại về thi hành án, nội dung tố cáo được giải quyết theo quy định về	Nghị định 33/2020/NĐ-CP không sửa đổi, bổ sung nội dung này	Dự kiến bổ sung khoản 6 Điều 38 của Nghị định số 62/2015/NĐ-CP như sau: Điều 38. Giải quyết khiếu nại về thi hành án “6. Người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại áp dụng quy định tại Điều 4 của Nghị định này và pháp luật khác có liên quan để xác định thời gian trở ngại khác quan hoặc sự kiện bất khả kháng không tính vào thời hạn khiếu nại theo khoản 2 Điều 140 Luật Thi hành án dân sự.”

Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật THADS	Nghị định số 33/2020/NĐ-CP ngày 17/3/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật THADS	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung (mới)
giải quyết tố cáo. 2. Đối với đơn khiếu nại thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp dưới nhưng quá thời hạn quy định mà chưa được giải quyết thì Thủ trưởng cơ quan thi hành án hoặc cơ quan quản lý thi hành án cấp trên yêu cầu cấp dưới giải quyết, đồng thời có trách nhiệm chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc việc giải quyết của cấp dưới và áp dụng biện pháp theo thẩm quyền để xử lý đối với người thiếu trách nhiệm hoặc có tình trì hoãn việc giải quyết khiếu nại đó. Trong trường hợp cần áp dụng biện pháp vượt quá thẩm quyền của mình thì kiến nghị cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền xử lý. 3. Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu của người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại đối với quyết định áp dụng biện pháp bảo đảm thi hành án có hiệu lực thi hành. 4. Quyết định giải quyết khiếu nại đã có hiệu lực thi hành được xem xét lại theo quy định tại Điểm b Khoản 4 và Điểm b Khoản 7 Điều 142 Luật Thi hành án dân sự trong các trường hợp sau đây: a) Quyết định, hành vi bị khiếu nại là trái pháp luật nhưng quyết định giải quyết khiếu nại cho rằng quyết định, hành vi đó là đúng pháp luật; b) Việc giải quyết khiếu nại đã vi phạm quy định của pháp luật về thủ tục giải quyết khiếu nại về		

Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật THADS	Nghị định số 33/2020/NĐ-CP ngày 17/3/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật THADS	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung (mới)
thi hành án; c) Có tình tiết mới làm thay đổi cơ bản kết quả giải quyết khiếu nại. 5. Trường hợp khiếu nại được giải quyết mà đương sự vẫn tiếp tục khiếu nại nhưng không đưa ra bằng chứng mới thì người giải quyết khiếu nại lưu đơn khiếu nại và thông báo để đương sự biết.”		
Điều 43. Chi phí cưỡng chế thi hành án “1. Chi phí cần thiết khác quy định tại điểm c khoản 3 Điều 73 Luật Thi hành án dân sự bao gồm: a) Chi phí hợp bàn cưỡng chế do Chấp hành viên tổ chức hợp với các cơ quan liên quan trước khi tiến hành cưỡng chế; b) Chi phí cưỡng chế trong trường hợp không thu được tiền của người phải thi hành án do tài sản kê biên không bán được theo quy định tại khoản 3 Điều 104 Luật Thi hành án dân sự; tài sản cưỡng chế theo Điều 90 Luật Thi hành án dân sự nhưng sau khi giảm giá theo quy định mà giá trị bằng hoặc thấp hơn chi phí và nghĩa vụ được bảo đảm; tài sản bị cưỡng chế không còn hoặc bị mất giá trị sử dụng; người phải thi hành án phải giao, trả tài sản theo bản án, quyết định mà không có khả năng thanh toán chi phí cưỡng	Nghị định 33/2020/NĐ-CP không sửa đổi, bổ sung nội dung này	Dự kiến sửa đổi, bổ sung điểm e khoản 1 Điều 43 của Nghị định số 62/2015/NĐ-CP như sau: Điều 43. Chi phí cưỡng chế thi hành án “e) Chi phí khi đang tiến hành hoặc đã tổ chức <u>cưỡng chế xong</u> nhưng phải đình chỉ theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm d, điểm đ khoản 1 Điều 50 Luật Thi hành án dân sự”.

Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật THADS	Nghị định số 33/2020/NĐ-CP ngày 17/3/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật THADS	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung (mới)
ché; người phải thi hành án phải thực hiện công việc nhất định bỏ đi khỏi nơi cư trú hoặc chết mà không còn tài sản để thanh toán chi phí cưỡng chế; c) Chi phí cho việc Chấp hành viên xác minh, xác định giá trị tài sản trước khi cưỡng chế để áp dụng biện pháp cưỡng chế tương ứng với nghĩa vụ phải thi hành án, chi phí cần thiết để áp dụng theo Điều 90 Luật Thi hành án dân sự; d) Các khoản chi cho việc áp dụng biện pháp tạm giữ giấy tờ, tài liệu của người phải thi hành án mà không thu được tiền của người phải thi hành án để thanh toán chi phí; đ) Chi phí cho việc bố trí phiên dịch, biên dịch trong trường hợp đương sự là người nước ngoài, người dân tộc thiểu số của Việt Nam không biết tiếng Việt; e) Chi phí khi đang tiến hành tổ chức cưỡng chế nhưng phải đình chỉ theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm d, điểm đ khoản 1 Điều 50 Luật Thi hành án dân sự; g) Chi phí cưỡng chế đã thực hiện nếu cơ quan có thẩm quyền hủy việc cưỡng chế.”		
Điều 49. Thủ tục thanh toán tiền, trả tài sản thi hành án “1. Trường hợp thanh toán tiền thi hành án theo	Khoản 1 Điều 49 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định	Dự kiến bổ sung khoản 1 Điều 49 của Nghị định số 62/2015/NĐ-CP như sau: Điều 49. Thủ tục thanh toán tiền, trả tài sản

Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật THADS

Nghị định số 33/2020/NĐ-CP ngày 17/3/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật THADS

Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung (mới)

quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 47 Luật Thi hành án dân sự thì Chấp hành viên xác định số tiền được thanh toán của những người được thi hành án đã yêu cầu thi hành án tính đến thời điểm có quyết định cưỡng chế.	33/2020/NĐ-CP như sau: “1. Trường hợp thanh toán tiền thi hành án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 47 Luật thi hành án dân sự thì <u>những người được thi hành án đã yêu cầu theo các bản án, quyết định đang do cơ quan thi hành án đó tổ chức thi hành tính đến thời điểm có quyết định cưỡng chế hoặc có biên bản về việc tư nguyện giao tài sản được ưu tiên thanh toán.</u>	thi hành án
Trường hợp bản án, quyết định đang do cơ quan thi hành án dân sự tổ chức thi hành xác định nhiều người được thi hành án nhưng chỉ một hoặc một số người yêu cầu thi hành án mà tài sản của người phải thi hành án không đủ để thi hành nghĩa vụ tài sản theo bản án, quyết định thi cơ quan thi hành án dân sự thanh toán cho người đã yêu cầu thi hành án theo tỉ lệ mà họ được nhân, số tiền còn lại gửi vào ngân hàng theo loại tiền gửi kỳ hạn 01 tháng, đồng thời thông báo và ấn định thời hạn không quá 01 tháng cho những người được thi hành án chưa yêu cầu về quyền yêu cầu thi hành án, trừ trường hợp đã hết thời hiệu.	Trường hợp nhiều người được nhân một tài sản cụ thể hoặc nhân chung một khoản tiền theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định này thì Chấp hành viên thực hiện thủ tục về thi hành án đối với những người đã yêu cầu thi hành án: tổ chức giao tiền, tài sản cho những người đã yêu cầu hoặc những người được thi hành án có mặt tại thời điểm thanh toán tiền, trả tài sản. Quyền và lợi ích hợp pháp của những người được thi hành án khác theo bản án, quyết định đó được giải quyết theo thỏa thuận hoặc theo quy định của pháp luật về dân sự.”	“1. Trường hợp thanh toán tiền thi hành án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 47 Luật Thi hành án dân sự hoặc xử lý tài sản mà bản án, quyết định tuyên kê biên để bảo đảm thi hành một nghĩa vụ cụ thể theo quy định tại khoản 3 Điều 47 Luật Thi hành án dân sự mà trong cùng một bản án, quyết định đang do cơ quan thi hành án dân sự trực tiếp tổ chức thi hành xác định có nhiều người được thi hành án nhưng chỉ một hoặc một số người yêu cầu thi hành án thì cơ quan thi hành án dân sự thanh toán cho những người đã yêu cầu thi hành án theo tỉ lệ mà họ được nhân, số tiền còn lại gửi vào ngân hàng theo hình thức tiền gửi kỳ hạn 01 tháng, đồng thời thông báo và ấn định thời hạn không quá 01 tháng cho những người được thi hành án chưa yêu cầu về quyền yêu cầu thi hành án, trừ trường hợp đã hết thời hiệu. <u>Hết thời hạn thông báo mà cơ quan thi hành án dân sự không nhận được yêu cầu thi hành án thì số tiền đã gửi và tiền lãi được thanh toán tiếp cho những người đã có yêu cầu thi hành án tính đến thời điểm hết thời hạn thông báo; số tiền còn lại (nếu có) được thanh toán cho những người được thi hành án theo các quyết định thi hành án khác tính đến thời</u>
Hết thời hạn thông báo mà cơ quan thi hành án dân sự không nhận được yêu cầu thi hành án thì số tiền đã gửi và tiền lãi được thanh toán tiếp cho những người đã có yêu cầu thi hành án tính đến thời điểm hết thời hạn thông báo; số tiền còn lại, nếu có, được thanh toán cho những người được thi hành án theo các quyết định thi hành án khác tính đến thời điểm thanh toán hoặc trả lại cho người phải thi hành án.”		

Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật THADS	Nghị định số 33/2020/NĐ-CP ngày 17/3/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật THADS	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung (mới)
		<u>điểm thanh toán hoặc trả cho người có tài sản bị kê biên, xử lý</u> .
CHƯƠNG III CƠ QUAN QUẢN LÝ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ, CƠ QUAN THI HÀNH ÁN DÂN SỰ, NGƯỜI LÀM CÔNG TÁC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ		CHƯƠNG III CƠ QUAN QUẢN LÝ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ, CƠ QUAN THI HÀNH ÁN DÂN SỰ, NGƯỜI LÀM CÔNG TÁC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
Mục 2 CHẤP HÀNH VIÊN, THẨM TRA VIÊN, THƯ KÝ, THỦ TRƯỞNG, PHÓ THỦ QUAN THI HÀNH ÁN DÂN SỰ		Mục 2 CHẤP HÀNH VIÊN, THẨM TRA VIÊN, THƯ KÝ, THỦ TRƯỞNG, PHÓ THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
Điều 56. Bổ nhiệm và thi tuyển Chấp hành viên “1. Việc bổ nhiệm vào ngạch Chấp hành viên phải qua kỳ thi tuyển theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự và pháp luật về cán bộ, công chức, trừ trường hợp bổ nhiệm không qua thi tuyển quy định tại Nghị định này. 2. Bộ Tư pháp tổ chức thi tuyển Chấp hành viên; quy định nội dung, hình thức, trình tự thi tuyển Chấp hành viên sơ cấp. Nội dung, hình thức thi nâng ngạch từ Chấp hành viên sơ cấp lên Chấp hành viên trung cấp, từ Chấp hành viên trung cấp lên Chấp hành viên cao cấp thực hiện theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức và	Nghị định 33/2020/NĐ-CP không sửa đổi, bổ sung nội dung này	<i>Dự kiến sửa đổi, bổ sung khoản 2 và khoản 3 Điều 56 của Nghị định số 62/2015/NĐ-CP như sau:</i> Điều 56. Bổ nhiệm và thi tuyển Chấp hành viên “2. Bộ Tư pháp tổ chức thi tuyển Chấp hành viên; quy định nội dung, hình thức, trình tự thi tuyển Chấp hành viên sơ cấp. Nội dung, hình thức thi, <u>xét</u> nâng ngạch từ Chấp hành viên sơ cấp lên Chấp hành viên trung cấp, từ Chấp hành viên trung cấp lên Chấp hành viên cao cấp thực hiện theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức và

Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật THADS	Nghị định số 33/2020/NĐ-CP ngày 17/3/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật THADS	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung (mới)
cao cấp thực hiện theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức và pháp luật về thi hành án dân sự. 3. Bộ trưởng Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với Bộ trưởng Bộ Nội vụ xây dựng tiêu chuẩn nghiệp vụ, mã số các ngạch Chấp hành viên để Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành.”		pháp luật về thi hành án dân sự. 3. <u>Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định mã số, ban hành tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch chấp hành viên sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ Nội vụ”.</u>
Điều 66. Thẩm tra viên “1. Thẩm tra viên là công chức, có nhiệm vụ giúp Thủ trưởng cơ quan quản lý thi hành án dân sự, cơ quan thi hành án dân sự và cơ quan quản lý, cơ quan thi hành án trong quân đội thực hiện nhiệm vụ thẩm tra thi hành án và các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật. 2. Thẩm tra viên trong quân đội là sĩ quan và quân nhân chuyên nghiệp trong Quân đội nhân dân Việt Nam. 3. Bộ trưởng Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với Bộ trưởng Bộ Nội vụ xây dựng tiêu chuẩn nghiệp vụ, mã số các ngạch Thẩm tra viên để Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành.”	Khoản 3 Điều 66 của Nghị định số 62/2015/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 16 Điều 1 của Nghị định số 33/2020/NĐ-CP như sau: Điều 66. Thẩm tra viên “3. Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ của <u>Thẩm tra viên sau khi thống nhất với Bộ trưởng Bộ Nội vụ.</u>”	Dự kiến sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 66 của Nghị định số 62/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 33/2020/NĐ-CP như sau: Điều 66. Thẩm tra viên “3. <u>Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch Thẩm tra viên sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ Nội vụ.</u>”
Điều 69. Bổ nhiệm, nâng ngạch, chuyển ngạch Thẩm tra viên “1. Việc bổ nhiệm vào ngạch, chuyển ngạch Thẩm tra viên; nội dung, hình thức thi nâng	Nghị định 33/2020/NĐ-CP không sửa đổi, bổ sung nội dung này	Dự kiến sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 Điều 69 của Nghị định số 62/2015/NĐ-CP như sau: Điều 69. Bổ nhiệm, nâng ngạch, chuyển

Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật THADS	Nghị định số 33/2020/NĐ-CP ngày 17/3/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật THADS	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung (mới)
ngạch từ Thẩm tra viên thi hành án lên Thẩm tra viên chính thi hành án, từ Thẩm tra viên chính thi hành án lên Thẩm tra viên cao cấp thi hành án thực hiện theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức và pháp luật về thi hành án dân sự.”		ngạch Thẩm tra viên “1. Việc bổ nhiệm vào ngạch, chuyển ngạch Thẩm tra viên; nội dung, hình thức thi, xét nâng ngạch từ Thẩm tra viên thi hành án lên Thẩm tra viên chính thi hành án, từ Thẩm tra viên chính thi hành án lên Thẩm tra viên cao cấp thi hành án thực hiện theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức và pháp luật về thi hành án dân sự.”
Điều 71. Thư ký thi hành án “1. Thư ký thi hành án là công chức chuyên môn nghiệp vụ thi hành án dân sự, có trách nhiệm giúp Chấp hành viên sơ cấp, Chấp hành viên trung cấp, Chấp hành viên cao cấp thực hiện các trình tự, thủ tục thi hành án dân sự hoặc giúp Thẩm tra viên, Thẩm tra viên chính, Thẩm tra viên cao cấp thực hiện nhiệm vụ thẩm tra, xác minh các vụ việc đã và đang thi hành, thẩm tra, xác minh các vụ việc có đơn thư khiếu nại, tố cáo về thi hành án dân sự theo quy định của pháp luật. 2. Bộ trưởng Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với Bộ trưởng Bộ Nội vụ xây dựng tiêu chuẩn nghiệp vụ, mã số các ngạch Thư ký thi hành án để Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành. 3. Thư ký thi hành án trong quân đội là sỹ quan hoặc quân nhân chuyên nghiệp. Việc quy định tiêu chuẩn, điều kiện, quy trình, thủ tục bổ	Khoản 2 Điều 71 của Nghị định số 62/2015/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 17 Điều 1 của Nghị định số 33/2020/NĐ-CP như sau: “2. Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ của Thư ký thi hành án sau khi thống nhất với Bộ trưởng Bộ Nội vụ.”	Dự kiến sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 3 Điều 71 của Nghị định số 62/2015/NĐ-CP như sau: Điều 71. Thư ký thi hành án “1. Thư ký thi hành án là công chức chuyên môn nghiệp vụ thi hành án dân sự, có trách nhiệm giúp Chấp hành viên sơ cấp, Chấp hành viên trung cấp, Chấp hành viên cao cấp thực hiện các trình tự, thủ tục thi hành án dân sự hoặc giúp Thẩm tra viên, Thẩm tra viên chính, Thẩm tra viên cao cấp thực hiện nhiệm vụ thẩm tra những vụ việc đã và đang thi hành, thẩm tra, xác minh các vụ việc có đơn thư khiếu nại, tố cáo về thi hành án dân sự theo quy định của pháp luật. <i>Việc bổ nhiệm vào ngạch, chuyển ngạch Thư ký thi hành án; nội dung, hình thức thi, xét nâng ngạch từ Thư ký trung cấp lên Thư ký</i>

Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật TTHADS	Nghị định số 33/2020/NĐ-CP ngày 17/3/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật TTHADS	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung (mới)
nhệm, miễn nhiệm Thư ký thi hành án trong quân đội do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định.”		<u>thi hành án thực hiện theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức và pháp luật về thi hành án dân sự.</u> <u>2. Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch Thư ký thi hành án sau khi có ý kiến thống nhất với Bộ Nội vụ”</u>
Điều 72. Tiêu chuẩn, thẩm quyền, trình tự, thủ tục bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, cho từ chức, giáng chức, cách chức Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự “1. Chi Cục trưởng, Phó Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự phải có các tiêu chuẩn sau đây: a) Là Chấp hành viên sơ cấp trở lên; b) Có phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống trong sạch, ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần trách nhiệm trong công tác; c) Có kinh nghiệm thực tiễn về thi hành án dân sự; d) Có năng lực điều hành và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của Chi cục Thi hành án dân sự; đ) Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật.	Nghị định 33/2020/NĐ-CP không sửa đổi, bổ sung nội dung này	Dự kiến bổ sung khoản 6 Điều 72 của Nghị định số 62/2015/NĐ-CP như sau: “6. Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định nguyên tắc, hình thức, thẩm quyền, trình tự, thủ tục, thời hạn xử lý trách nhiệm người giữ chức danh tư pháp trong các cơ quan thi hành án dân sự có hành vi vi phạm do thiếu trách nhiệm hoặc vi phạm trong khi thực hiện nhiệm vụ nhưng chưa đến mức phải xử lý kỷ luật.”

Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật THADS	Nghị định số 33/2020/NĐ-CP ngày 17/3/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật THADS	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung (mới)
2. Cục trưởng, Phó Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự phải có các tiêu chuẩn sau đây: a) Là Chấp hành viên trung cấp trở lên; b) Có phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống trong sạch, ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần trách nhiệm trong công tác. c) Có kinh nghiệm thực tiễn về thi hành án dân sự; d) Có năng lực điều hành và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của Cục Thi hành án dân sự; đ) Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật. 3. Bộ trưởng Bộ Tư pháp bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, miễn nhiệm, cho từ chức, giáng chức, cách chức Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự. Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, miễn nhiệm, cho từ chức, giáng chức, cách chức Phó Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự; Chi cục trưởng, Phó Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự thực hiện theo phân cấp của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. 4. Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết Khoản 1, Khoản 2 và Khoản 3 Điều này. 5. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định tiêu		

Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật THADS	Nghị định số 33/2020/NĐ-CP ngày 17/3/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật THADS	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung (mới)
Mục 3 THỂ, CÔNG CỤ HỖ TRỢ, TRANG PHỤC, PHỤ HIỆU, CẤP HIỆU VÀ CHẾ ĐỘ ĐỔI VỚI CHẤP HÀNH VIÊN, THẨM TRA VIÊN, NGƯỜI LÀM CÔNG TÁC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ		Mục 3 THỂ, CÔNG CỤ HỖ TRỢ, TRANG PHỤC, PHỤ HIỆU, CẤP HIỆU VÀ CHẾ ĐỘ ĐỔI VỚI CHẤP HÀNH VIÊN, THẨM TRA VIÊN, NGƯỜI LÀM CÔNG TÁC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
Điều 78. Lương và phụ cấp của Chấp hành viên, Thẩm tra viên, Thư ký thi hành án, công chức khác và những người khác làm công tác thi hành án dân sự “2. Chấp hành viên sơ cấp, Chấp hành viên trung cấp, Chấp hành viên cao cấp, Thẩm tra viên, Thẩm tra viên chính, Thẩm tra viên cao cấp được xếp lương công chức nhóm 1 của loại A1, A2 và A3 bảng lương chuyên môn nghiệp vụ đối với cán bộ, công chức trong các cơ quan nhà nước. Thư ký thi hành án xếp lương công chức loại A1 bảng lương chuyên môn nghiệp vụ đối với cán bộ, công chức trong các cơ quan nhà nước. Thư ký trung cấp thi hành án xếp lương công chức loại B bảng lương chuyên môn nghiệp vụ đối	Nghị định 33/2020/NĐ-CP không sửa đổi, bổ sung nội dung này	Dự kiến sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 78 của Nghị định số 62/2015/NĐ-CP như sau: Điều 78. Lương và phụ cấp của Chấp hành viên, Thẩm tra viên, Thư ký thi hành án, công chức khác và những người khác làm công tác thi hành án dân sự “2. Chấp hành viên sơ cấp, Chấp hành viên trung cấp, Chấp hành viên cao cấp, Thẩm tra viên, Thẩm tra viên chính, Thẩm tra viên cao cấp được xếp lương công chức nhóm 1 của loại A1, A2 và A3 bảng lương chuyên môn nghiệp vụ đối với cán bộ, công chức trong các cơ quan nhà nước. Thư ký thi hành án xếp lương công chức loại A1 bảng lương chuyên môn nghiệp vụ đối với cán bộ, công chức trong các cơ quan nhà

Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật THADS	với cán bộ, công chức trong các cơ quan nhà nước.”	Nghị định số 33/2020/NĐ-CP ngày 17/3/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật THADS	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung (mới)
Điều 83. Niên hạn, cấp phát, sử dụng trang phục, phù hiệu, cấp hiệu thi hành án dân sự “1. Niên hạn trang phục như sau: a) Quần áo thu đông mặc ngoài: 01 bộ 03 năm; b) Áo khoác ngoài mùa đông: 01 cái 03 năm; c) Áo chống rét mùa đông: 01 cái 03 năm, cấp cho công chức, viên chức, người lao động làm việc theo hợp đồng lao động không xác định thời hạn thuộc các đơn vị từ Thừa Thiên Huế trở ra phía Bắc và các đơn vị vùng Tây Nguyên; d) Quần áo xuân hè mặc ngoài: 02 bộ 02 năm; đ) Áo sơ mi dài tay: 01 cái 01 năm; e) Lễ phục mùa đông: 01 bộ 05 năm; g) Lễ phục mùa hè: 01 bộ 03 năm; h) Giày da: 01 đôi 01 năm; i) Thất lưng da: 01 cái 01 năm; k) Dép da: 01 đôi 01 năm; l) Tất chân: 02 đôi 01 năm;		Nghị định 33/2020/NĐ-CP không sửa đổi, bổ sung nội dung này	Dự kiến bổ sung khoản 4 Điều 83 của Nghị định số 62/2015/NĐ-CP như sau: Điều 83. Niên hạn, cấp phát, sử dụng trang phục, phù hiệu, cấp hiệu thi hành án dân sự “4. Căn cứ vào nhu cầu sử dụng của các cơ quan, đơn vị và tình hình thực tế vùng miền, Bộ Tư pháp quyết định việc cấp phát, sử dụng trang phục, phù hiệu, cấp hiệu thi hành án dân sự cho phù hợp”.

Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật THADS	Nghị định số 33/2020/NĐ-CP ngày 17/3/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật THADS	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung (mới)
m) Caravat: 02 cái 02 năm; n) Áo mưa: 01 cái 01 năm; o) Mũ kệp: 01 cái 02 năm; p) Mũ bảo hiểm thi hành án: 01 cái 02 năm; q) Cặp da đựng tài liệu: 01 cái 02 năm. 2. Việc cấp phát và sử dụng trang phục như sau: a) Chấp hành viên, Thẩm tra viên, công chức khác và những người khác làm công tác thi hành án dân sự được cấp trang phục theo niên hạn quy định tại Khoản 1 Điều này. Đối với quần áo thu đông, quần áo xuân hè lần đầu được cấp 02 bộ; áo sơ mi dài tay lần đầu cấp 02 cái; b) Trường hợp trang phục bị mất hoặc hư hỏng có lý do chính đáng thì được cấp hoặc đổi lại. 3. Chấp hành viên, Thẩm tra viên, công chức khác và những người khác làm công tác thi hành án dân sự được cấp phù hiệu, cấp hiệu để sử dụng trong niên hạn 03 năm 01 bộ, lần đầu được cấp 02 bộ. Hết niên hạn được đổi và cấp phù hiệu, cấp hiệu mới. Khi có sự thay đổi chức vụ, chức danh hoặc trường hợp phù hiệu, cấp hiệu bị mất, bị hư hỏng thì được đổi hoặc cấp lại phù hiệu, cấp hiệu mới. Khi chuyển công tác khác, Chấp hành viên, Thẩm tra viên, công chức khác và những người khác làm công tác thi hành án dân sự có trách nhiệm nộp lại phù hiệu, cấp hiệu		

Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật THADS	Nghị định số 33/2020/NĐ-CP ngày 17/3/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật THADS	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung (mới)
cho Thủ trưởng cơ quan thi hành án nơi mình công tác.”		

Ghi chú: - Phần gạch chân là nội dung Nghị định 33/2020/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Nghị định 62/2015/NĐ-CP

- Phần in nghiêng và gạch chân là nội dung dự kiến sửa đổi, bổ sung tại Nghị định mới.